

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ZAG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN ZAG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: ZAG GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: ZAG GROUP CO.,LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0109062614

3. Ngày thành lập: 13/01/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Tầng 5, tòa nhà Starcity, số 23 Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0523931357

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Trồng rau, đậu các loại và trồng hoa	0118
2.	Chế biến, bảo quản thịt và các sản phẩm từ thịt	1010
3.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
4.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
5.	Sản xuất dầu, mỡ động, thực vật	1040
6.	Chế biến sữa và các sản phẩm từ sữa	1050
7.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
8.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
9.	Sản xuất các loại bánh từ bột	1071
10.	Sản xuất đường	1072
11.	Sản xuất ca cao, sôcôla và bánh kẹo	1073
12.	Sản xuất mì ống, mỳ sợi và sản phẩm tương tự	1074
13.	Sản xuất món ăn, thức ăn chế biến sẵn	1075
14.	Sản xuất chè	1076
15.	Sản xuất cà phê	1077

16.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất súp và nước xuýt; - Sản xuất thực phẩm đặc biệt như: Đồ ăn dinh dưỡng, sữa và các thực phẩm dinh dưỡng, thức ăn cho trẻ nhỏ, thực phẩm có chứa thành phần hoóc môn; - Sản xuất mật ong nhân tạo và kẹo; - Sản xuất các loại trà dược thảo (bạc hà, cỏ roi ngựa, cúc la mã); - - Sản xuất sữa tách bơ và bơ; - Sản xuất các sản phẩm trứng, albumin trứng; - Sản xuất muối thanh từ muối mua, bao gồm muối trộn i ốt; - Sản xuất các sản phẩm cô đặc nhân tạo; - Sơ chế, làm sạch, sấy khô tổ yến; - Sản xuất thực phẩm chức năng.	1079
17.	Cửa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
18.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
19.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
20.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
21.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
22.	Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh	2013
23.	Sản xuất sản phẩm từ plastic	2220
24.	Sản xuất thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh	2310
25.	Sản xuất sản phẩm chịu lửa	2391
26.	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
27.	Sản xuất sản phẩm gốm sứ khác	2393
28.	Sản xuất xi măng, vôi và thạch cao	2394
29.	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao	2395
30.	Cắt tạo dáng và hoàn thiện đá	2396

31.	Sản xuất sản phẩm từ chất khoáng phi kim loại khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất bột đá, đá mài hoặc đá đánh bóng và các sản phẩm tự nhiên, nhân tạo bao gồm sản phẩm kết dính trên nền xốp (ví dụ giấy cát); - Sản xuất sợi và tấm dệt khoáng phi kim loại, quần áo, mũ, giày dép, giấy, dây bện, dây thừng... - Sản xuất các nguyên liệu mài và các đồ không lắp khung của các sản phẩm đồ với nguyên liệu khoáng hoặc xen lu lô; - Sản xuất vật liệu cách điện khoáng sản như: Sản xuất len xỉ, len đá, len khoáng sản tương tự, chất khoáng bón cây, đất sét và các nguyên liệu cách âm, cách nhiệt, thẩm âm; - Sản xuất các sản phẩm từ khoáng khác như: Mica và các sản phẩm từ mica, than bùn, than chì (không phải sản phẩm điện); - Sản xuất các sản phẩm từ asphalt và nguyên liệu tương tự, ví dụ chất dính asphalt, xỉ than; - Sợi các bon và graphit và các sản phẩm từ sợi các bon (trừ các thiết bị điện).	2399
32.	Sản xuất sắt, thép, gang	2410
33.	Sản xuất kim loại quý và kim loại màu (trừ kinh doanh vàng miếng)	2420
34.	Đúc sắt, thép	2431
35.	Đúc kim loại màu (Trừ sản xuất vàng miếng)	2432
36.	Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại	2591
37.	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại	2592
38.	Sản xuất dao kéo, dụng cụ cầm tay và đồ kim loại thông dụng	2593
39.	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất đồ dùng bằng kim loại cho nhà bếp, nhà vệ sinh và nhà ăn; Sản xuất sản phẩm khác còn lại bằng kim loại	2599
40.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế Chi tiết: Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng gỗ; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng kim loại; Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế bằng vật liệu khác	3100
41.	Sản xuất đồ kim hoàn và chi tiết liên quan	3211
42.	Sản xuất đồ giả kim hoàn và chi tiết liên quan	3212
43.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày	5510
44.	Cơ sở lưu trú khác	5590
45.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
46.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
47.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
48.	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630

49.	Xây dựng nhà để ở	4101
50.	Xây dựng nhà không để ở	4102
51.	Xây dựng công trình điện	4221
52.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
53.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
54.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
55.	Xây dựng công trình thủy	4291
56.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
57.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
58.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
59.	Phá dỡ	4311
60.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
61.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
62.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
63.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
64.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330(Chính)
65.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
66.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
67.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: Đại lý bán hàng hóa; Môi giới thương mại (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	4610
68.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống (trừ loại nhà nước cấm)	4620
69.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
70.	Bán buôn thực phẩm	4632
71.	Bán buôn đồ uống	4633
72.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện; Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự	4649
73.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ kinh doanh vàng miếng)	4662
74.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
75.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp	4719
76.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
77.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752

78.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ giường, tủ, bàn, ghế và đồ dùng nội thất tương tự trong các cửa hàng chuyên doanh Bán lẻ đồ dùng gia đình bằng gốm, sứ, thủy tinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
79.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh Chi tiết: Bán lẻ tranh, tượng và các tác phẩm nghệ thuật khác mang tính thương mại	4773
80.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: -Đào tạo về sự sống; -Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng	8559
81.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản	6810
82.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: Tư vấn, môi giới bất động sản (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	6820
83.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Hoạt động kiến trúc; - Khảo sát xây dựng - Lập quy hoạch xây dựng - Thiết kế xây dựng công trình - Kiểm định xây dựng - Tư vấn quản lý dự án - Quản lý dự án đầu tư xây dựng - Thi công xây dựng công trình - Quản lý chi phí đầu tư xây dựng - Giám sát thi công xây dựng công trình	7110
84.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học tự nhiên	7211
85.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ	7212
86.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
87.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học nông nghiệp	7214
88.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
89.	Đại lý du lịch	7911
90.	Điều hành tua du lịch	7912

91.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
92.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Không bao gồm hoạt động đấu giá)	8299

6. Vốn điều lệ: 189.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN HỮU TUẤN	Số 81, Lê Văn Lương, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	94.500.000.000	50,000	N1827498	
2	NGUYỄN VIỆT THẮNG	Đội 6, thôn Thuý Lâm, Xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	94.500.000.000	50,000	C5981280	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VIỆT THẮNG

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 16/02/1980

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu Việt Nam

Số giấy chứng thực cá nhân: C5981280

Ngày cấp: 12/09/2018 Nơi cấp: Cục quản lý xuất nhập cảnh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Đội 6, thôn Thuý Lâm, Xã Thanh Sơn, Huyện Thanh Hà, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Tầng 1 nhà A2 khu ĐTM Đền Lừ 2, Phường Hoàng Văn Thụ, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội